

Bản án số: 117/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10/5/2023

“V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đàm Nhân Trác

Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng và bà Ngô Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 N 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 46/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 N 2023 về “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 N 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2023/QĐ-ST ngày 26 tháng 4 N 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn N**, sinh N 1985; Nơi cư trú: Thôn Hữu C, xã Hà T, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị **Bùi Thị D**, sinh N 1992.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Hữu C, xã Hà T, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương. Hiện đang lao động tại Trung Quốc. Vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn anh Nguyễn Văn N trình bày: Anh và chị Bùi Thị D tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Hà Thanh, huyện Tứ Kỳ ngày 30/7/2010. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hoà hợp, không quan tâm đến nhau. Vợ chồng sống chung đến N 2016, chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị D.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Quốc B, sinh ngày 07/02/2011 hiện đang ở với anh N. Ly hôn, anh N xin được nuôi con chung, không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của ông Bùi Văn Sáng và bà Vũ Thị Duyên là bố mẹ đẻ chị D xác định: Chị D và anh N kết hôn tự nguyện, trong quá trình sống chung, anh chị đã xảy ra mâu thuẫn, chị D đã về nhà đẻ sinh sống, sau đó chị D đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về nhà. Gia đình được thông báo chị D đi làm ăn ở Trung Quốc, gia đình chỉ biết vậy chứ không biết địa chỉ cụ thể. Mọi thông tin về việc anh N khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, gia đình đã thông báo cho chị D. Sau khi được gia đình thông báo, chị D không có văn bản thể hiện quan điểm về việc giải quyết vụ án, tuy nhiên qua liên lạc điện thoại với gia đình, chị D có quan điểm đồng ý ly hôn anh N.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Quốc B, sinh ngày 07/02/2011 hiện đang ở với anh N. Ly hôn, anh N xin được nuôi con chung chị cũng nhất trí.

Về tài sản chung: Gia đình chị D xác định anh chị không có.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân xã Hà Thanh thể hiện: Anh N và chị D có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hà Thanh vào ngày 30/7/2010, sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại gia đình nhà chồng được thời gian ngắn, đến N 2016 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh N có đơn xin ly hôn, quan điểm địa phương đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh N được ly hôn chị D. Về con chung: Giao cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Quốc B, sinh ngày 07/02/2011, chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh N. Về án phí: Anh N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn N và bị đơn chị Bùi Thị D đều có hộ khẩu thường trú tại Thôn Thanh Kỳ, xã An Thanh, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Tuy nhiên, theo văn bản trả lời của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ

công an xác định chị Bùi Thị D đã xuất cảnh ngày 12/10/2016, chưa có thông tin nhập cảnh. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đề nghị gia đình chị D cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Qua xác minh tại gia đình chị D thì được biết, chị D đi làm ở Trung Quốc nhưng vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình. Ông Bùi Văn Sáng và bà Vũ Thị Duyên là bố mẹ đẻ chị D đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị D biết. Tòa án cũng đã tiến hành giao các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai chị D vắng mặt, anh N đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội D:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N và chị Bùi Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hà Thanh, huyện Tứ Kỳ ngày 30/7/2010 nên hôn của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến N 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra bất hòa cãi nhau, anh chị đã sống ly thân, chị D đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và đi làm ăn xa. Thông qua gia đình, chị D cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị có quan điểm đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N, chị D đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ N 2016 đến nay, không ai quan tâm tới ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh N ly hôn chị D là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình sống chung, anh chị có 01 con chung là Nguyễn Quốc B, sinh ngày 07/02/2011 hiện đang ở với anh N. Ly hôn, anh N đề nghị được nuôi con chung, không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị D đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương, nguyện vọng xin được nuôi con của anh N là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

Tài sản chung: Anh N xác định không có nên không yêu cầu. Do vậy, HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn N phải chịu án phí dân sự (về hôn nhân gia đình) sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho anh Nguyễn Văn N ly hôn chị Bùi Thị D.

2. *Về con chung:* Giao con chung Nguyễn Quốc B, sinh ngày 07/02/2011 cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Bùi Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chấp nhận sự tự nguyện của anh N không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về án phí:* Anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân và gia đình). Đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí, theo biên lai thu số AA/2021/0000741 ngày 12/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

4. *Về quyền kháng cáo:* Anh Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, chị Bùi Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục T.H.A DS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND xã Hà Thanh, huyện Tứ Kỳ;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đàm Nhân Trác